

Bình Phước, ngày 17 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về chính sách
khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước
ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ chương trình kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 4 (chuyên đề). Tuy nhiên, qua rà soát và ý kiến trao đổi của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp có một số nội dung chưa phù hợp; đồng thời ngày 28/5/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, có hiệu lực ngày 01/7/2022. Do vậy, cần kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo.

1. Mục đích: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung theo ý kiến trao đổi của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp cho phù hợp với Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo.

Về cơ bản giữ nguyên theo nội dung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định lại của văn bản quy phạm pháp luật và một số nội dung không phù hợp.

III. Quá trình xây dựng dự thảo.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã soạn thảo, thông qua tập thể UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và tiếp thu chỉnh sửa.

IV. Bố cục và bộ phận cơ bản của dự thảo.

1. Bố cục: Gồm 04 điều.

- Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điều 2. bãi bỏ một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điều 3. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo.

(1). Trước đây phần căn cứ pháp lý chỉ đưa vào các Luật, nay bổ sung thêm các Nghị định cho đây đủ theo góp ý của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp.

(2) Bãi bỏ các Phụ lục I, II, III, IV, V: Các Phụ lục này được quy định dựa trên hệ thống lại những văn bản pháp luật của Trung ương; mục đích là để nhà đầu tư dễ tra cứu, tìm hiểu các chính sách ưu đãi khi đầu tư vào tỉnh. Tuy nhiên theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp thì Hội đồng nhân dân tỉnh không được quyền quy định lại những nội dung đã được quy định tại các văn bản pháp luật của cấp trên, do đó phải bãi bỏ.

(3). Sửa đổi Điều 5: Trước đây danh mục ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư quy định theo Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị quyết. Nay bãi bỏ các Phụ lục nên sửa đổi lại dẫn chiếu đến Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

(4). Sửa đổi điểm a, khoản 1, Điều 6: Trước đây chọn lọc những ý chính tại khoản 4, Điều 12 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đưa vào nghị quyết. Theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp thì Hội đồng nhân dân tỉnh không được quyền quy định lại những nội dung đã được quy định tại văn bản pháp luật của cấp trên. Do vậy, sửa đổi lại theo hướng dẫn chiếu đến Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thi hành.

(5). Sửa đổi Điều 7: Trước đây quy định tùy theo ngành nghề và địa bàn đầu tư quy định tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị quyết này, nhà đầu tư được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này. Nay bãi bỏ các Phụ lục nên sửa đổi lại theo hướng dẫn chiếu đến Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP, Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan cho phù hợp.

(6). Sửa đổi Điều 9: Trước đây quy định tùy theo địa bàn đầu tư quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này, nhà đầu tư được áp dụng thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này. Nay bãi bỏ các Phụ lục nên sửa đổi lại theo hướng dẫn chiếu đến Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số



35/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan cho phù hợp.

(7). Sửa đổi Điều 13: Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND quy định ưu đãi đầu tư về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp cho khu công nghiệp, khu kinh tế, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp theo Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết. Nay bãi bỏ các Phụ lục nên sửa đổi lại cho phù hợp.

(8). Bãi bỏ Điều 8 về giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất công của Nhà nước không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp nội dung này quy định chung chung, ngoài ra cụm từ quỹ đất công không được quy định trong Lật Đất đai. Do vậy, không cần thiết ban hành nội dung này.

(9). Bãi bỏ Điều 14 về ưu đãi đối với nhà đầu tư trong khu kinh tế do nội dung này không còn phù hợp với Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, có hiệu lực ngày 01/7/2022.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết)

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

Noi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; phòng TH;
- Lưu: VT.



Bình Phước, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Xét Tờ trình số/TTr- UBND ngày tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND-KTNS ngày ... tháng ... năm

2022 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh”

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“1. Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ”.

2. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thi hành”.

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất

Tùy theo ngành, nghề và địa bàn đầu tư, nhà đầu tư được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP, Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan”.

4. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thuế suất ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Tùy theo địa bàn đầu tư, nhà đầu tư được áp dụng thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan”.

5. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Ưu đãi đầu tư về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp cho khu công nghiệp, khu kinh tế

Mức ưu đãi cụ thể đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế và dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về đất đai, pháp luật về tín dụng, pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

6. Sửa đổi điểm b, điểm c Điều 24 như sau:

“Về miễn giảm tiền thuê đất, miễn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực xã hội hóa đầu tư và khai thác bên xe khách thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”.

7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 như sau:

“1. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện tại vùng nông thôn”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Bãi bỏ Điều 8, Điều 14 và các Phụ lục I, II, III, IV, V.

Điều 3. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ..năm 2022.

Noi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH